



SPES NON CONFUNDIT –
HY VỌNG KHÔNG LÀM THẤT VỌNG
SẮC CHỈ CÔNG BỐ NĂM THÁNH THƯỜNG LỆ 2025

PHANXICÔ, GIÁM MỤC RÔMA,
TÔI TỔ CỦA CÁC TÔI TỔ CHÚA
CẦU CHÚC TẤT CẢ NHỮNG AI ĐỌC THƯ NÀY,
TÂM HỒN SẼ ĐƯỢC TRÀN ĐẦY NIỀM HY VỌNG

Spes non confundit, hy vọng không làm thất vọng, trích từ Thư gửi tín hữu Roma (Rm 5,5), là tựa đề của Sắc chỉ công bố Năm Thánh 2025, được Đức Thánh Cha Phanxicô trao cho các Giáo hội trên năm châu lục chiều ngày 09.05.2024, trong Kinh Chiều II lễ Chúa Lên Trời. Sắc chỉ, được chia thành 25 số, bao gồm các lời kêu gọi và đề xuất, những ước mơ của Đức Thánh Cha trong Năm Thánh 2025. Sau đây là toàn văn Việt ngữ của Sắc chỉ do Ban dịch thuật Hội đồng Giám mục Việt Nam thực hiện.

1. Spes non confundit. “Hy vọng không làm thất vọng” (Rm 5,5). Với dấu chỉ hy vọng, Tông đồ Phaolô đã khích lệ cộng đoàn Kitô hữu ở Rôma. Niềm hy vọng cũng là sứ điệp trọng tâm của Năm Thánh sắp tới mà theo truyền thống cổ xưa, Đức giáo hoàng công bố 25 năm một lần. Tôi nghĩ đến tất cả những người hành hương của niềm hy vọng sẽ đến Rôma để sống Năm Thánh, và nghĩ đến tất cả những ai dù không thể đến được Thành phố của hai Tông đồ Phêrô và Phaolô, nhưng cũng sẽ cử hành Năm Thánh tại các Giáo hội địa phương của họ. Đối với mọi người, ước gì Năm Thánh là một thời điểm gặp gỡ Chúa Giêsu cách sống động và cá vị, Người là “cánh cửa” ơn cứu độ (x. Ga 10,7.9), là “niềm hy vọng của chúng ta” (x. 1 Tm 1,1), là Đấng mà Giáo hội có nhiệm vụ phải loan báo luôn mãi, ở mọi nơi và cho tất cả mọi người.

Mọi người đều hy vọng. Niềm hy vọng nơi tâm hồn mỗi người như nỗi khao khát và chờ đợi những điều tốt đẹp sẽ đến, dù chúng ta không biết ngày mai sẽ ra sao. Dù vậy, tính bấp bênh của tương lai lại gây ra những cảm xúc đôi khi trái ngược: từ tin tưởng đến lo sợ, từ thanh thản đến chán nản, từ xác tín đến nghi ngờ. Chúng ta thường gặp những người chán

nản, họ nhìn về tương lai với thái độ hoài nghi và bi quan, như thể chẳng điều gì có thể mang lại hạnh phúc cho họ. Mong sao Năm Thánh là cơ hội cho mỗi người nhen nhóm lại niềm hy vọng. Lời Chúa giúp chúng ta tìm ra những lý do cho niềm hy vọng ấy. Chúng ta hãy đề cho điều Thánh Phaolô đã viết cho các Kitô hữu ở Rôma hướng dẫn chúng ta.

Một lời hy vọng

2. “Một khi đã được nên công chính nhờ đức tin, chúng ta được bình an với Thiên Chúa, nhờ Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Vì chúng ta tin, nên Đức Giêsu đã mở lối cho chúng ta vào hưởng ân sủng của Thiên Chúa, như chúng ta đang được hiện nay; chúng ta lại còn tự hào về niềm hy vọng được hưởng vinh quang của Thiên Chúa. [...] Niềm hy vọng này không làm cho chúng ta phải thất vọng, vì Thiên Chúa đã đổ tình yêu của Người vào lòng chúng ta, nhờ Thánh Thần mà Người ban cho chúng ta.” (Rm 5,1-2.5). Ở đây, Thánh Phaolô gợi ra nhiều điều để suy gẫm. Chúng ta biết rằng Thư gửi tín hữu Rôma đánh dấu một chặng quyết định trong hoạt động truyền giáo của thánh Phaolô. Cho đến lúc đó, ngài vẫn hoạt động ở phía đông Đế quốc Rôma, và nay Rôma đang chờ đợi ngài với tất cả những gì được bày tỏ ra trước con mắt của thế giới; đó là một thách đố lớn lao phải chấp nhận đề rao giảng Tin Mừng, một thách đố không có rào cản hay giới hạn. Giáo đoàn Rôma không phải do Thánh Phaolô thành lập, nhưng ngài hết sức ước ao đến đó càng sớm càng tốt để mang đến cho mọi người Tin Mừng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã chết và sống lại, là lời loan báo niềm hy vọng sẽ hoàn thành lời hứa, sẽ dẫn đến vinh quang và không làm thất vọng vì có nền tảng là tình yêu.

3. Quả thế, niềm hy vọng phát sinh từ tình yêu và dựa trên tình yêu tuôn trào từ Trái tim Chúa Giêsu bị đâm thấu trên thập giá: “Thật vậy, nếu ngay khi chúng ta còn thù nghịch với Thiên Chúa, Thiên Chúa đã để cho Con của Người phải chết mà cho chúng ta được hòa giải với Người, phương chi bây giờ chúng ta đã được hòa giải rồi, hẳn chúng ta sẽ được cứu nhờ sự sống của Người Con ấy.” (Rm 5,10). Và sự sống của Người được biểu lộ nơi đời sống đức tin của chúng ta, khởi đầu bằng phép Rửa, tăng triển trong sự mở lòng trước ân sủng của Thiên Chúa, được sinh động bởi niềm hy vọng luôn được đổi mới và nên vững mạnh nhờ tác động của Chúa Thánh Thần.

Thật vậy, chính Chúa Thánh Thần luôn hiện diện cùng Giáo hội lễ hành để chiếu tỏa ánh sáng hy vọng trên các tín hữu: Ngài giữ cho ánh sáng ấy luôn cháy như một ngọn đuốc không bao giờ tắt để nâng đỡ và ban sinh lực cho chúng ta. Thật vậy, niềm hy vọng Kitô giáo không lừa dối cũng không làm thất vọng vì nó dựa trên niềm xác tín rằng không có gì và không ai có thể tách chúng ta ra khỏi tình yêu của Thiên Chúa: “Ai có thể tách chúng ta

ra khỏi tình yêu của Đức Kitô? Phải chăng là gian truân, khốn khổ, đói rách, hiểm nguy, bắt bớ, gươm giáo? [...] Nhưng trong mọi thử thách ấy, chúng ta toàn thắng nhờ Đấng đã yêu mến chúng ta. Đúng thế, tôi tin chắc rằng: cho dầu là sự chết hay sự sống, thiên thần hay ma vương quỷ lực, hiện tại hay tương lai, hoặc bất cứ sức mạnh nào, trời cao hay vực thẳm hay bất cứ một loài thọ tạo nào khác, không có gì tách được chúng ta ra khỏi tình yêu của Thiên Chúa thể hiện nơi Đức Kitô Giêsu, Chúa chúng ta.” (Rm 8,35.37-39). Đó là lý do tại sao niềm hy vọng này không nhượng bộ trước khó khăn: vì nó đặt nền tảng trên đức tin và được nuôi dưỡng bởi đức ái. Nó giúp ta tiến bước trong cuộc sống. Về chủ đề này, Thánh Augustinô đã viết: “Dù ở bậc sống nào, người ta cũng không thể sống nếu không có ba tâm tình này: tin, cậy [hy vọng], mến”.[1]

4. Thánh Phaolô rất thực tế. Ngài biết rằng cuộc sống có cả niềm vui lẫn nỗi buồn, rằng tình yêu chịu thử thách khi khó khăn chồng chất và đau khổ dường như làm cho hy vọng tan biến. Dầu vậy, ngài vẫn viết: “Chúng ta tự hào trong nỗi gian khổ, vì biết rằng gian khổ sinh ra kiên trì; kiên trì sinh ra nghị lực; nghị lực sinh ra hy vọng” (Rm 5,3-4). Đối với vị Tông đồ, gian nan và đau khổ là tình trạng thường hằng của những người rao giảng Tin Mừng trong bối cảnh bị hiểu lầm và bách hại (x. 2 Cr 6,3-10). Trong những hoàn cảnh này, ta nhìn thấy ánh sáng trong bóng tối. Ta khám phá được sức mạnh từ thập giá và sự phục sinh của Chúa Kitô đã nâng đỡ việc truyền giáo như thế nào. Điều này dẫn đến việc phát triển một nhân đức gắn liền với hy vọng: tính kiên nhẫn. Trong một thế giới lúc nào cũng hối hả, chúng ta đã quen với việc muốn có mọi thứ ngay lập tức. Chúng ta không còn thời gian để gặp nhau và thường thì việc gặp gỡ và bình tâm nói chuyện với nhau, ngay cả trong gia đình, cũng trở nên khó khăn. Tính nóng vội làm mất kiên nhẫn, gây nguy hại nghiêm trọng cho con người. Thật vậy, điều đó gây ra bất khoan dung, căng thẳng, đôi khi cả bạo lực vô cớ, dẫn đến bất mãn và khép kín.

Hơn nữa, trong thời đại internet, nơi không gian và thời gian bị cái “ở đây và lúc này” thống trị, kiên nhẫn chẳng có giá trị gì. Nếu chúng ta vẫn còn khả năng nhìn ngắm thiên nhiên với thái độ ngỡ ngàng thán phục, chúng ta có thể hiểu được kiên nhẫn có tính quyết định như thế nào. Chờ đợi mùa màng cùng với các hoa trái của nó biến đổi; quan sát cuộc sống của động vật và chu kỳ tăng trưởng của chúng; có cái nhìn đơn sơ của Thánh Phanxicô, như trong Bài ca tạo vật được sáng tác cách nay đúng 800 năm, ngài đã coi các thụ tạo như một đại gia đình và gọi mặt trời là “anh” và mặt trăng là “chị”.[2] Việc tái khám phá sự kiên nhẫn mang lại nhiều lợi ích cho chính mình và cho người khác. Thánh Phaolô thường vận dụng sự kiên nhẫn để nhấn mạnh tầm quan trọng của sự kiên trì và tin tưởng vào những gì Thiên Chúa đã hứa với chúng ta, nhưng trên hết thánh nhân làm chứng rằng Thiên Chúa kiên nhẫn với chúng ta, chính Người là “nguồn kiên nhẫn và an ủi” (Rm 15,5). Sự kiên nhẫn,

cũng là hoa trái của Thánh Thần, nuôi dưỡng và củng cố niềm hy vọng như một nhân đức và một lối sống. Vì thế, chúng ta hãy học cách thường xuyên xin ơn kiên nhẫn, vốn vừa là con đẻ của hy vọng lại vừa nuôi dưỡng niềm hy vọng.

Một con đường hy vọng

5. Từ mối liên hệ giữa niềm hy vọng và sự kiên nhẫn, có thể thấy rõ rằng đời sống Kitô hữu là một con đường cần những khoảnh khắc mạnh mẽ để nuôi dưỡng và củng cố niềm hy vọng như người bạn đồng hành không thể thay thế, cho ta thoáng thấy mục tiêu là cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu. Tôi thích nghĩ rằng việc công bố Năm Thánh đầu tiên năm 1300 đã khởi đi từ một con đường ân sủng do lòng đạo đức bình dân thúc đẩy. Thật vậy, chúng ta không thể quên những hình thức khác nhau qua đó ơn tha thứ đã được tuôn đổ dồi dào trên Dân thánh trung thành của Thiên Chúa. Chẳng hạn, chúng ta hãy nhớ lại “ơn tha thứ” lớn lao mà Thánh Celestinô V có ý ban cho những ai đến viếng Vương cung thánh đường Thánh Maria Collemaggio ở L'Aquila, vào ngày 28 và 29 tháng 8 năm 1294, sáu năm trước khi Đức giáo hoàng Bonifaciô VIII thiết lập Năm Thánh. Vì thế Giáo hội đã có được cảm nghiệm về ân sủng của lòng thương xót trong Năm Thánh rồi. Và ngay cả trước đó nữa, vào năm 1216, Đức giáo hoàng Hônôriô III đã chấp thuận lời thỉnh cầu của Thánh Phanxicô, xin cho những ai đến viếng Portiuncula vào hai ngày đầu tiên của tháng Tám được hưởng ân xá. Tương tự như vậy với cuộc hành hương đến Santiago de Compostela: vào năm 1122, Đức giáo hoàng Calixtô II đã cho phép cử hành Năm Thánh tại thánh đường này mỗi khi lễ kính Thánh tông đồ Giacôbê trùng với một Chúa nhật. Thật là tốt đẹp khi phương thức cử hành Năm Thánh “mở rộng” này vẫn tiếp tục, để sức mạnh tha thứ của Thiên Chúa nâng đỡ và đồng hành trong cuộc hành hương của các cộng đoàn và các cá nhân.

Không phải ngẫu nhiên mà hành hương là yếu tố cơ bản của mọi sự kiện Năm thánh. Lên đường là đặc điểm của người đi tìm ý nghĩa của cuộc sống. Hành hương bằng cách đi bộ rất có lợi cho việc tái khám phá giá trị của sự thỉnh lặng, sự cố gắng và của điều thiết yếu. Năm tới, một lần nữa, những người hành hương của hy vọng sẽ không bỏ lỡ việc bước đi trên những con đường cổ xưa và hiện đại để sống kinh nghiệm Năm Thánh một cách mãnh liệt. Tại chính thành phố Rôma cũng sẽ có các tuyến đường đức tin, ngoài các tuyến đường truyền thống là các hầm mộ và bảy nhà thờ. Khi đi từ nước này sang nước khác như thể biên giới đã bị xóa nhòa, khi đi từ thành phố này sang thành phố khác để chiêm ngưỡng thiên nhiên và các tác phẩm nghệ thuật, chúng ta có thể tận dụng những trải nghiệm và các nền văn hóa đa dạng để đón nhận cái đẹp. Cái đẹp ấy hòa quyện với lời cầu nguyện sẽ dẫn đến việc tạ ơn Chúa vì những điều kỳ diệu Ngài đã làm. Các nhà thờ trong Năm Thánh, dọc theo các tuyến đường và ở kinh thành Roma, sẽ là những ốc đảo thiêng liêng, tại đó chúng ta có

thể canh tân đời sống đức tin và thỏa cơn khát nơi nguồn hy vọng, trước hết bằng cách đến với bí tích Hòa giải, là điểm khởi đầu không thể thay thế của con đường hoán cải đích thực. Tại các Giáo hội địa phương, cần phải đặc biệt chú ý đến việc chuẩn bị cử hành bí tích Hòa giải của các linh mục và của các tín hữu cũng như việc lãnh nhận bí tích này dưới hình thức cá nhân.

Trong cuộc hành hương này, tôi muốn gửi lời mời đặc biệt đến các tín hữu của các Giáo hội Đông phương, đặc biệt đến những ai đã hiệp thông trọn vẹn với Đấng kế vị Thánh Phêrô. Họ là những người đã chịu quá nhiều đau khổ – thường đến nỗi phải chết – vì lòng trung thành với Chúa Kitô và Giáo hội; họ phải cảm nhận được sự đón tiếp cách đặc biệt tại Rôma này, vốn cũng là Mẹ của họ và là nơi lưu giữ nhiều kỷ niệm về sự hiện diện của họ. Giáo hội Công giáo, được phong phú nhờ các nền phụng vụ rất cổ xưa của họ, nhờ nền thần học và linh đạo của các Giáo phụ, các tu sĩ và các nhà thần học, muốn thể hiện một cách tượng trưng việc đón tiếp họ, cũng như các anh chị em Chính thống giáo, trong khi họ đang sống cuộc hành hương Via Crucis [đàng thánh giá] thường buộc họ phải rời bỏ quê hương, rời bỏ miền đất thánh của mình vì bị bạo lực và bất ổn săn đuổi, để đến những quốc gia an toàn hơn. Đối với họ, cảm nghiệm được một Giáo hội yêu thương, không bỏ rơi họ nhưng theo họ đến bất cứ nơi nào họ đến, làm cho dấu chỉ Năm Thánh càng trở nên mạnh mẽ hơn.

6. Năm Thánh 2025 tiếp nối những sự kiện ân sủng trước đó. Trong Năm Thánh thường lệ trước, chúng ta đã bước qua ngưỡng cửa thiên niên kỷ thứ hai kể từ sau Chúa Giêsu Kitô giáng sinh. Thế rồi, vào ngày 13 tháng 3 năm 2015, tôi đã công bố Năm Thánh ngoại thường với mục đích biểu lộ và giúp mọi người gặp được “dung nhan lòng thương xót” của Thiên Chúa,[3] là lời loan báo trọng tâm của Tin Mừng cho mọi người ở mọi thời đại. Nay đã đến lúc công bố một Năm Thánh mới, để một lần nữa Cửa Thánh lại được rộng mở hầu mang lại cảm nghiệm sống động về tình yêu của Thiên Chúa, tình yêu khơi dậy trong tâm hồn niềm hy vọng chắc chắn về ơn cứu độ nơi Chúa Kitô. Đồng thời, Năm Thánh này sẽ dẫn chúng ta hướng tới một lễ kỷ niệm nền tảng khác cho mọi Kitô hữu. Vào năm 2033, chúng ta sẽ mừng kỷ niệm hai ngàn năm ơn cứu chuộc được thực hiện qua cuộc khổ nạn, cái chết và sự phục sinh của Chúa Giêsu. Như vậy, chúng ta sắp bước vào một cuộc hành trình được ghi dấu bằng những sự kiện lớn, trong đó ân sủng của Thiên Chúa đi trước và đồng hành với những người nhiệt thành bước đi trong đức tin, hành động trong đức ái và kiên trì trong niềm hy vọng (x. 1 Tx 1,3).

Dựa trên truyền thống lâu đời này và xác tín rằng Năm Thánh này sẽ là một trải nghiệm sâu sắc về ân sủng và hy vọng cho toàn thể Giáo hội, tôi quyết định khai mạc Năm Thánh thường lệ bằng việc mở Cửa Thánh của Vương cung thánh đường Thánh Phêrô ở Vatican vào ngày

24 tháng 12 năm nay, 2024. Chúa nhật tiếp theo, ngày 29 tháng 12 năm 2024, tôi sẽ mở Cửa Thánh Nhà thờ chính tòa Gioan Latêranô của tôi; Nhà thờ này sẽ kỷ niệm 1700 năm cung hiến vào ngày 9 tháng 11 cùng năm. Sau đó, vào ngày 1 tháng 1 năm 2025, Lễ trọng kính Đức Maria Mẹ Thiên Chúa, tôi sẽ mở Cửa Thánh Vương cung thánh đường Đức Bà Cả. Cuối cùng, vào Chúa nhật 5 tháng 1, tôi sẽ mở Cửa Thánh Vương cung Thánh đường Thánh Phaolô Ngoại Thành. Ba Cửa Thánh cuối cùng này sẽ được đóng lại muộn nhất là vào Chúa nhật 28 tháng 12 cùng năm.

Ngoài ra, tôi quyết định rằng vào Chúa nhật 29 tháng 12 năm 2024, tại tất cả các Nhà thờ chính tòa và Nhà thờ đồng chính tòa, các giám mục giáo phận sẽ cử hành Thánh lễ long trọng khai mạc Năm Thánh, theo Nghi thức sẽ được soạn cho dịp này. Tại Nhà thờ đồng chính tòa, một vị đại diện được chỉ định đặc biệt có thể thay thế giám mục để cử hành thánh lễ này. Một cuộc hành hương, bắt đầu từ một nhà thờ được chọn để tập hợp rồi đi tới Nhà thờ chính tòa, sẽ là dấu chỉ của con đường hy vọng, được Lời Chúa soi sáng, hiệp nhất các tín hữu. Trong khi đi hành hương, sẽ đọc các đoạn văn trong tài liệu này, và công bố Ân xá Năm thánh, ân xá này có thể được lãnh nhận theo những quy định trong cùng Sách Nghi thức cử hành Năm Thánh nói trên tại các Giáo hội địa phương. Năm Thánh sẽ kết thúc vào Chúa nhật 28 tháng 12 năm 2025 tại các Giáo hội địa phương. Trong thời gian Năm Thánh, phải lo liệu sao cho Dân Chúa tham dự đầy đủ việc đón nhận lời loan báo niềm hy vọng về ân sủng của Thiên Chúa cũng như đón nhận những dấu chỉ chứng tỏ hiệu quả của ân sủng này.

Năm Thánh thường lệ sẽ kết thúc bằng việc đóng Cửa Thánh của Vương cung thánh đường Thánh Phêrô tại Vatican vào ngày 6 tháng 1 năm 2026, Lễ Chúa Hiển Linh. Ước gì ánh sáng hy vọng Kitô giáo đến với mọi người như sứ điệp tình yêu của Thiên Chúa gửi đến tất cả mọi người! Mong sao Giáo hội là chứng nhân trung thành cho lời loan báo này ở mọi nơi trên thế giới!

Những dấu chỉ của hy vọng

7. Ngoài việc kín múc niềm hy vọng nơi ân sủng của Thiên Chúa, chúng ta còn được mời gọi khám phá lại niềm hy vọng đó trong những dấu chỉ của thời đại mà Chúa ban cho chúng ta. Như Công đồng Vaticanô II đã khẳng định: “Lúc nào Giáo hội cũng có bổn phận tìm hiểu tường tận những dấu chỉ của thời đại và giải thích dưới ánh sáng Phúc Âm; như vậy mới có thể giải đáp một cách thích ứng với từng thế hệ những thắc mắc muôn thuở của con người về ý nghĩa cuộc sống hiện tại và mai hậu cũng như về mối tương quan giữa hai cuộc sống ấy.”[4] Do đó, chúng ta phải lưu tâm đến tất cả những điều thiện hảo hiện diện trên thế

giới, để không rơi vào cơn cám dỗ nghĩ rằng mình bị sự ác và bạo lực lấn át. Nhưng những dấu chỉ của thời đại, trong đó có nỗi khát vọng của tâm hồn con người, vốn cần đến sự hiện diện cứu độ của Thiên Chúa, đòi phải được biến đổi thành những dấu chỉ của niềm hy vọng.

8. Dấu chỉ hy vọng đầu tiên phải thành hiện thực là hòa bình, vì thế giới một lần nữa lại chìm trong thảm kịch chiến tranh. Bởi vì nhân loại đã quên đi những bi kịch trong quá khứ, nên phải đối mặt với một thử thách mới và khó khăn khi chứng kiến nhiều dân tộc bị bạo lực đàn áp dã man. Còn điều gì mà những dân tộc này đã không phải gánh chịu? Làm sao lời kêu cứu tuyệt vọng của họ lại không thúc đẩy các nhà lãnh đạo các quốc gia chấm dứt quá nhiều xung đột trong khu vực, khi thấy rằng những hậu quả có thể xảy ra ở cấp độ toàn cầu? Có quá đáng không khi ước mơ rằng vũ khí sẽ im tiếng và không còn đem lại chết chóc và hủy diệt? Năm Thánh phải nhắc nhở chúng ta rằng ai “xây dựng hòa bình” sẽ được “gọi là con Thiên Chúa” (Mt 5,9). Yêu cầu hòa bình chất vấn mọi người và đòi hỏi phải theo đuổi những kế hoạch cụ thể. Với lòng can đảm và sáng tạo, giới ngoại giao phải tiếp tục cam kết tạo ra những không gian đàm phán nhằm đạt được hòa bình lâu dài.

9. Hy vọng nhìn về tương lai cũng có nghĩa là có một cái nhìn tích cực về đời sống để sẵn sàng chuyển trao lại. Bất hạnh thay, chúng ta phải buồn bã nhìn nhận rằng, trong nhiều tình huống, chúng ta đã không có cái nhìn này. Hậu quả đầu tiên là không còn muốn truyền sinh. Tại nhiều quốc gia, chúng ta đang chứng kiến sự sụt giảm đáng lo ngại về tỷ lệ sinh, do nhịp sống điên cuồng và mối lo sợ về tương lai, do thiếu bảo đảm về nghề nghiệp và bảo vệ thích đáng về mặt xã hội, do những mô hình xã hội ở đó việc tìm kiếm lợi nhuận mới quyết định chương trình nghị sự chứ không phải sự quan tâm đến các mối quan hệ. Trái lại, ở những nơi khác, việc “đổ lỗi cho sự gia tăng dân số chứ không phải chủ nghĩa tiêu thụ quá mức và có chọn lọc của một số người, là một cách để không phải đối mặt với các vấn đề”.[5]

Việc mở ra đón nhận sự sống với vai trò làm cha, làm mẹ có trách nhiệm là chương trình mà Đấng Tạo Hóa đã ghi khắc trong trái tim và thân xác của người nam người nữ, là sứ mạng Chúa đã giao phó cho các đôi vợ chồng và tình yêu của họ. Điều cấp bách là, ngoài cam kết của các quốc gia về phương diện pháp lý, họ còn phải được sự trợ giúp đầy sức thuyết phục của mọi thành phần trong các cộng đồng tôn giáo và cộng đồng dân sự, bởi vì mong ước của người trẻ muốn sinh thêm con như dấu chỉ tình yêu phong phú của họ sẽ mang lại tương lai cho bất kỳ xã hội nào. Ước muốn này là vấn đề của niềm hy vọng vì nó tùy thuộc vào hy vọng và sinh ra hy vọng.

Cộng đồng Kitô giáo phải là những thành phần đầu tiên ủng hộ một liên minh xã hội vì niềm hy vọng, một liên minh mang tính đón nhận và phi ý thức hệ, hoạt động hướng tới một tương

lai tràn ngập tiếng cười của nhiều trẻ em sẽ lấp đầy biết bao chiếc nôi trống rỗng ở nhiều nơi trên thế giới. Nhưng trong thực tế, mỗi người cần tìm lại niềm vui sống bởi vì con người, được tạo dựng theo hình ảnh và giống Thiên Chúa (x. St 1,26), không thể bằng lòng với việc chỉ sống cho qua ngày, khi chấp nhận chỉ hài lòng với thực tại vật chất mà thôi. Những điều này giam hãm chúng ta vào chủ nghĩa cá nhân và làm xói mòn niềm hy vọng, gây nên nỗi buồn trong tâm hồn và khiến nó trở nên cay đắng và bất bao dung.

10. Trong Năm Thánh, chúng ta được mời gọi trở nên những dấu chỉ hy vọng hữu hình cho những anh chị em đang sống trong những hoàn cảnh khốn cùng. Tôi nghĩ đến những tù nhân bị tước đoạt tự do, hằng ngày, ngoài nỗi khắc nghiệt của việc bị cô lập và thiếu thốn tình cảm, còn bị áp đặt những hạn chế và nhiều khi không được tôn trọng. Trong Năm Thánh này, tôi đề nghị các chính phủ thực hiện những sáng kiến khôi phục niềm hy vọng; các hình thức ân xá hoặc giảm án nhằm giúp người thụ án lấy lại niềm tin vào bản thân và xã hội; lộ trình tái hòa nhập cộng đồng cùng với cam kết cụ thể về việc tôn trọng pháp luật.

Yêu cầu thực hiện những hành vi khoan dung và giải phóng cho phép người ta bắt đầu lại như vậy là một yêu cầu có từ xa xưa, xuất phát từ Lời Chúa và có giá trị khôn ngoan trường cửu: “Các ngươi sẽ công bố năm thứ năm mươi là năm thánh và sẽ tuyên cáo trong xứ lệnh ân xá cho mọi người sống tại đó.” (Lv 25,10). Luật Môsê được tiên tri Isaia nhắc lại: “Chúa đã sai tôi đi loan báo Tin mừng cho kẻ nghèo hèn, chữa lành những tâm lòng tan nát, công bố lệnh ân xá cho kẻ bị giam cầm, ngày phóng thích cho những tù nhân, công bố một năm hồng ân của Chúa” (Is 61,1-2). Đây là những lời mà Chúa Giêsu đã áp dụng cho mình lúc khởi đầu sứ vụ khi tuyên bố rằng “năm hồng ân của Chúa” đã được thực hiện nơi chính Người (x. Lc 4,18-19).

Khắp nơi trên trái đất, các tín hữu, đặc biệt là các mục tử, phải là những người biểu đạt những yêu cầu này, cùng lên tiếng để can đảm đòi những điều kiện xứng đáng cho những người đang bị cầm tù, sự tôn trọng nhân quyền và trên hết là việc bãi bỏ án tử hình, một biện pháp trái ngược với đức tin Kitô giáo và triệt tiêu mọi hy vọng về tha thứ và đổi đời.[6] Để đem đến cho các tù nhân một dấu hiệu gần gũi cụ thể, tôi muốn chính mình mở một Cửa Thánh trong một nhà tù và đây sẽ là một biểu tượng mời gọi họ nhìn về tương lai với niềm hy vọng và với quyết tâm đổi mới cuộc đời.

11. Cũng phải đem lại những dấu chỉ hy vọng cho các bệnh nhân, ở nhà hay ở bệnh viện. Phải xoa dịu những đau khổ của họ bằng cách thăm nom trong tình yêu thương và sự gần gũi. Những nghĩa cử của lòng thương xót cũng là những nghĩa cử của niềm hy vọng sẽ khơi lên tâm tình biết ơn trong lòng. Và cũng phải biết ơn tất cả những nhân viên y tế, trong

những điều kiện thường là vất vả, họ vẫn quan tâm chăm sóc các bệnh nhân và những người dễ bị tổn thương nhất.

Ước mong chúng ta quan tâm đầy đủ đến những người vì hoàn cảnh hết sức nhọc nhằn mà phải sống thấp kém, nhất là còn mắc phải các căn bệnh hoặc bị khuyết tật khiến cho việc tự chủ bản thân bị hạn chế rất nhiều. Việc chăm sóc họ là một bài ca tán dương phẩm giá con người, một bài ca hy vọng kêu gọi hành động hài hòa từ toàn thể xã hội.

12. Những người là hiện thân của niềm hy vọng cũng cần đến dấu chỉ hy vọng: đó là giới trẻ. Đáng buồn thay, họ thường thấy ước mơ của mình sụp đổ. Chúng ta không được làm họ thất vọng: tương lai được xây dựng trên nhiệt huyết của họ. Thật đẹp khi thấy họ tràn đầy năng lượng, chẳng hạn như khi họ xắn tay áo tự nguyện dấn thân vào những nơi đang chịu thảm họa và bất ổn xã hội. Nhưng thật đáng buồn khi thấy những người trẻ không có niềm hy vọng. Khi tương lai bấp bênh và ước mơ không thành, khi việc học không có lối ra, khi tình trạng thiếu việc làm hoặc thiếu việc làm ổn định khiến những mộng ước có nguy cơ tan vỡ, họ bắt buộc phải sống hiện tại trong u sầu và buồn chán. Ảo tưởng của ma túy, nguy cơ phạm pháp và việc tìm kiếm những gì chóng qua khiến người trẻ dễ nhầm lẫn hơn những người khác, và không thấy được vẻ đẹp và ý nghĩa của cuộc sống, từ đó họ trượt vào vực thăm thẳm tối và bị thôi thúc thực hiện những hành động hủy hoại bản thân. Vì thế Năm Thánh phải là một dịp để Giáo hội truyền cảm hứng cho họ. Với niềm say mê mới mẻ này, chúng ta hãy cùng chăm sóc các bạn trẻ, các sinh viên, các đôi bạn trẻ sắp kết hôn, các thế hệ trẻ! Chúng ta hãy gần gũi với người trẻ, là niềm vui và hy vọng của Giáo hội và thế giới!

13. Cũng phải có những dấu chỉ hy vọng cho những người di cư phải rời bỏ quê hương mưu cầu một cuộc sống tốt đẹp hơn cho bản thân và gia đình. Mong sao những kỳ vọng của họ không tiêu tan bởi những thành kiến và sự khép kín; mong sao việc mở rộng vòng tay đón tiếp mọi người vì phẩm giá của họ, cũng đi kèm với một cam kết rằng không ai bị tước đoạt quyền xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn. Nhiều người lưu vong, di tản và tị nạn buộc phải chạy trốn do các sự kiện quốc tế gây tranh cãi nhằm tránh chiến tranh, bạo lực và phân biệt đối xử; họ phải được bảo đảm về an ninh cũng như được học hành và làm việc, là những yếu tố cần thiết để hội nhập vào bối cảnh xã hội mới.

Cộng đồng Kitô giáo phải luôn sẵn sàng bảo vệ quyền lợi của những người yếu thế nhất. Mong sao cộng đồng mở rộng cửa quảng đại đón nhận họ để niềm hy vọng về một cuộc sống tốt đẹp hơn không bao giờ làm ai phải thất vọng. Ước gì lời Chúa nói trong dụ ngôn về cuộc phán xét cuối cùng luôn vang vọng trong tâm hồn chúng ta: “Ta là khách lạ, các

con đã tiếp đón Ta”, vì “điều các con đã làm cho một trong những người anh em hèn mọn nhất của Ta là các con đã làm cho chính Ta” (Mt 25,35.40).

14. Những người cao tuổi cũng xứng đáng được có những dấu chỉ hy vọng, những người này thường trải qua nỗi cô đơn và cảm giác bị bỏ rơi. Cộng đồng Kitô giáo và xã hội dân sự có trách nhiệm trân trọng kho báu là chính người cao tuổi, trân trọng kinh nghiệm sống, sự khôn ngoan và những đóng góp của họ. Cộng đồng Kitô giáo và xã hội dân sự được kêu gọi cùng nhau hợp tác để xây dựng sự liên minh giữa các thế hệ.

Tôi đặc biệt nghĩ đến các ông bà nội ngoại, là những người đầy niềm tin và kinh nghiệm sống để trao lại cho các thế hệ trẻ. Mong sao họ được nâng đỡ với lòng biết ơn của các con cháu, những người tìm thấy nơi họ một chỗ dựa, niềm cảm thông và sự khích lệ.

15. Tôi tha thiết cầu xin cho hàng tỷ người nghèo có được niềm hy vọng. Họ thường thiếu thốn những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống. Trước những làn sóng bản cùng hóa mới nối tiếp nhau, người ta có nguy cơ trở nên quen với cái nghèo và cam chịu. Nhưng chúng ta không thể làm ngơ trước những tình huống bi thảm mà chúng ta đang gặp phải ở khắp nơi, không chỉ ở một số khu vực trên thế giới. Hằng ngày chúng ta gặp những người nghèo hoặc cận nghèo mà đôi khi có thể là những ở bên cạnh chúng ta. Họ thường không có nhà ở hoặc không có đủ thức ăn hằng ngày. Họ phải chịu đựng sự loại trừ và thờ ơ của nhiều người. Thật là tai tiếng khi thế giới có nguồn tài nguyên dồi dào và chủ yếu được dành cho vũ khí, thì “đại đa số lại là người nghèo [...], hàng nghìn triệu người. Ngày nay, trong các cuộc tranh luận về chính trị và kinh tế quốc tế, người ta vẫn nói đến người nghèo, nhưng dường như các vấn đề của họ thường chỉ được nêu ra như một phần phụ, như một vấn đề được thêm vào gần như do bắt buộc phải thế hay theo kiểu chuyện bên lề, nếu không muốn nói là coi chúng như những thiệt hại phụ. Thực tế, khi nói đến hành động cụ thể, họ thường xuyên bị đẩy xuống vị trí cuối cùng”.[7] Chúng ta đừng quên: người nghèo hầu như luôn luôn là nạn nhân chứ không phải thủ phạm.

Lời kêu gọi hy vọng

16. Vọng lại lời các tiên tri xưa đã nói, Năm Thánh nhắc nhở chúng ta rằng của cải trên Trái đất không dành cho một số ít người có đặc quyền, mà cho tất cả mọi người. Những người có của phải quảng đại nhận ra khuôn mặt của anh em mình đang cần giúp đỡ. Tôi đặc biệt nghĩ đến những người thiếu nước và lương thực: nạn đói là một vết thương đáng hổ thẹn trong thân thể nhân loại chúng ta và là lời mời gọi mọi người hãy thức tỉnh lương tâm. Tôi xin nhắc lại lời kêu gọi rằng “với nguồn tài chính đổ vào vũ khí và các chi tiêu quân sự khác,

chúng ta hãy thành lập một Quỹ toàn cầu để triệt để xóa bỏ nạn đói và giúp cho các nước nghèo nhất phát triển; có như thế, người dân ở đó mới không phải tìm đến các giải pháp bạo lực hoặc gian dối và cũng không cần phải rời bỏ đất nước mình đi tìm một cuộc sống xứng đáng hơn ở nơi khác.”[8]

Tôi muốn gửi một lời mời khẩn thiết khác nhân dịp Năm Thánh: lời này dành cho các quốc gia giàu có nhất để họ nhận thức tầm quan trọng của nhiều quyết định đã được đưa ra cùng với quyết định xóa nợ cho những quốc gia sẽ chẳng bao giờ có khả năng hoàn trả. Đây là vấn đề công lý hơn là vấn đề hào phóng, mà ngày nay càng trở nên trầm trọng hơn bởi một hình thức bất bình đẳng mới mà chúng ta đã nhận ra: “Quả thế, có một “món nợ môi sinh” thật sự, đặc biệt giữa Bắc toàn cầu với Nam toàn cầu, liên quan đến việc mất cân bằng thương mại với những hậu quả về sinh thái, cũng như việc một số quốc gia sử dụng quá mức các nguồn tài nguyên thiên nhiên trong thời gian dài.[9] Như Thánh Kinh dạy, trái đất là của Thiên Chúa và tất cả chúng ta là những khách trọ và ngoại kiều (x. Lv 25,23). Nếu thực sự muốn dọn đường cho hòa bình thế giới, chúng ta hãy dần dần giải quyết những nguyên nhân sâu xa của bất công, hãy xóa những khoản nợ bất công không thể trả nổi và hãy cho những người đói khát được no thỏa.

17. Trong Năm Thánh sắp tới có một ngày kỷ niệm rất quan trọng đối với các Kitô hữu. Đó là kỷ niệm 1700 năm diễn ra Công đồng đại kết đầu tiên, Công đồng Nicêa. Cần nhớ rằng, từ thời các tông đồ, các mục tử đã nhiều lần nhóm họp hội nghị để bàn về các vấn đề giáo lý và kỷ luật. Trong những thế kỷ đầu tiên của Kitô giáo, nhiều công nghị được tiến hành cả ở phương Đông lẫn phương Tây, làm nổi bật tầm quan trọng của việc duy trì sự hiệp nhất của Dân Thiên Chúa và lòng trung thành với việc loan báo Tin Mừng. Năm Thánh có thể là một cơ hội quan trọng để cụ thể hóa hình thức hiệp hành này, vốn được cộng đồng Kitô hữu ngày nay coi là một biểu hiện ngày càng cần thiết để đáp ứng tốt hơn trước tính cấp bách của việc truyền giáo: tất cả những người đã được rửa tội, mỗi người với đặc sủng và nhiệm vụ của mình, đều có trách nhiệm trở nên những dấu chỉ hy vọng làm chứng cho sự hiện diện của Thiên Chúa trong thế giới.

Công đồng Nicêa, do Hoàng đế Constantinô triệu tập vào ngày 20 tháng 5 năm 325, với khoảng ba trăm giám mục có mặt, quy tụ trong cung điện hoàng gia, có sứ mệnh duy trì sự hiệp nhất đang bị đe dọa nghiêm trọng bởi việc phủ nhận thiên tính của Chúa Giêsu Kitô và sự Người đồng bản thể với Chúa Cha. Nhờ ơn Thánh Thần, sau nhiều tranh luận, tất cả các vị đều đồng thuận về Kinh Tin kính mà ngày nay chúng ta vẫn tuyên xưng trong thánh lễ Chúa nhật. Các nghị phụ Công đồng đã muốn bắt đầu Kinh Tin kính này bằng cách lần đầu tiên sử dụng kiểu nói “Chúng tôi tin”, [10] để nói lên rằng trong danh xưng “Chúng tôi”, tất

cả các Giáo hội đều hiệp thông với nhau và tất cả các Kitô hữu đều tuyên xưng cùng một đức tin.

Công đồng Nicêa là một cột mốc quan trọng trong lịch sử Giáo hội. Kỷ niệm Công đồng là dịp mời gọi các Kitô hữu cùng nhau ca ngợi và tạ ơn Thiên Chúa Ba Ngôi và đặc biệt là Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, “đồng bản thể với Chúa Cha”, [11] Đấng đã mạc khải màu nhiệm tình yêu này cho chúng ta. Nhưng Công đồng Nicêa cũng đưa ra lời mời gọi tất cả các Giáo hội và các cộng đoàn Hội thánh tiếp tục con đường hướng tới sự hiệp nhất hữu hình, không mệt mỏi tìm kiếm những hình thức thích hợp để đáp lại trọn vẹn lời cầu nguyện của Chúa Giêsu: “Xin cho tất cả nên một, như Cha ở trong con và con ở trong Cha để họ cũng ở trong chúng ta. Như vậy, thế gian sẽ tin rằng Cha đã sai con” (Ga 17,21).

Công đồng Nicêa cũng thảo luận về ngày lễ Phục sinh. Về vấn đề này, ngày nay vẫn còn những lập trường khác nhau ngăn cản việc cử hành biến cố khai sinh đức tin vào cùng một ngày. Do những hoàn cảnh được Chúa quan phòng, đây là điều sẽ diễn ra đúng vào năm 2025. Điều này phải là lời kêu gọi tất cả các Kitô hữu ở phương Đông và phương Tây hãy thực hiện một bước quyết định hướng tới sự hiệp nhất quanh một ngày lễ Phục sinh chung. Cũng nên nhắc lại rằng nhiều người không biết rằng trong quá khứ đã có những tranh cãi và họ không hiểu tại sao những chia rẽ về vấn đề này vẫn còn mãi.

Hy vọng vững vàng

18. Hy vọng (đức cậy) cùng với đức tin và đức mến kết thành bộ ba “nhân đức đôi thân”, diễn tả điều cốt lõi của đời sống Kitô hữu (x. 1 Cr 13,13; 1 Tx 1,3). Trong tính năng động không thể tách rời của ba nhân đức này, có thể nói rằng, hy vọng định hướng, hoặc vạch ra phương hướng và mục tiêu cho đời sống của người tín hữu. Đó là lý do tại sao Thánh Phaolô mời gọi chúng ta: “Hãy vui mừng vì có niềm hy vọng, cứ kiên nhẫn lúc gặp gian truân, và chuyên cần cầu nguyện.” (Rm 12,12). Đúng vậy, chúng ta phải “tràn đầy niềm hy vọng” (x. Rm 15,13) để làm chứng một cách khả tín và hấp dẫn về đức tin và tình yêu trong lòng chúng ta; nhờ đó chúng ta vui tươi trong đức tin, nhiệt thành trong đức mến; sao cho mỗi người có thể trao đi dù chỉ là một nụ cười, một cử chỉ thân tình, một cái nhìn huynh đệ, một sự lắng nghe chân thành, một sự phục vụ vô vị lợi, vì biết rằng, trong Thần Khí của Chúa Giêsu, điều này có thể trở thành hạt giống trở sinh hy vọng nơi những ai đón nhận. Nhưng nền tảng cho niềm hy vọng của chúng ta là gì? Để hiểu được điều này, cần suy tư về những lý do khiến chúng ta hy vọng (x. 1 Pr 3,15).

19. “Tôi tin sự sống đời đời”:[12] chúng ta tuyên xưng đức tin như thế. Niềm hy vọng Kitô giáo đặt nền tảng nơi những lời này. Thật vậy, đó là “nhân đức đời đời mà qua đó chúng ta mong muốn đạt được hạnh phúc [...] là sự sống vĩnh cửu”.[13] Công đồng Vaticanô II quả quyết: “Nếu thiếu nền tảng là Thiên Chúa và thiếu niềm hy vọng vào đời sống vĩnh cửu thì phẩm giá con người sẽ bị tổn thương trầm trọng như thường thấy ngày nay, và những bí ẩn về sự sống, sự chết, về tội lỗi và đau khổ sẽ không có lời giải đáp, như thế, con người sẽ thường rơi vào tuyệt vọng.”[14] Mặt khác, nhờ niềm hy vọng được cứu độ, khi nhìn thời gian trôi qua, chúng ta tin chắc rằng lịch sử nhân loại và lịch sử của mỗi người không đi vào ngõ cụt hoặc vực thăm thẳm tối, nhưng hướng tới cuộc gặp gỡ với Đức Chúa hiển vinh. Vì vậy, chúng ta hãy sống trong niềm mong đợi Người trở lại và hy vọng được sống mãi mãi trong Người. Chính trong tinh thần này mà lời khẩn cầu cảm động của các Kitô hữu đầu tiên, cũng là lời kết thúc Kinh Thánh, trở thành lời cầu của chính chúng ta: “Lạy Chúa Giêsu, xin hãy đến!” (Kh 22,20).

20. Chúa Giêsu đã chết và sống lại là trung tâm đức tin của chúng ta. Chỉ với bốn động từ, Thánh Phaolô đã phát biểu ngắn gọn như sau để truyền đạt lại nội dung “cốt lõi” về niềm hy vọng của chúng ta: “Trước hết, tôi đã truyền lại cho anh em điều mà chính tôi đã lãnh nhận, đó là: Đức Kitô đã chết vì tội lỗi chúng ta, đúng như lời Kinh Thánh, rồi Người đã được mai táng, và ngày thứ ba đã trỗi dậy, đúng như lời Kinh Thánh. Người đã hiện ra với ông Phêrô, rồi với Nhóm Mười Hai.” (1 Cr 15,3-5). Đức Kitô đã chết, đã được mai táng, đã trỗi dậy, đã hiện ra. Người đã vượt qua bi kịch cái chết vì chúng ta. Tình yêu của Chúa Cha đã phục sinh Người trong quyền năng của Chúa Thánh Thần, biến nhân tính của Người thành hoa quả đầu mùa vĩnh cửu cho phần rỗi của chúng ta. Niềm hy vọng Kitô giáo chính là ở điều này: đối mặt với cái chết, nơi mọi sự dường như chấm dứt, chúng ta biết chắc rằng, nhờ Chúa Kitô, qua ân sủng của Người được thông truyền cho chúng ta trong bí tích Rửa tội, “sự sống không mất đi, nhưng được thay đổi”,[15] mãi mãi. Thật vậy, trong bí tích Rửa tội, khi được mai táng với Chúa Kitô, chúng ta nhận được nơi Người, Đấng phục sinh, hồng ân sự sống mới phá vỡ bức tường sự chết và biến nó thành một con đường đi về chốn trường sinh.

Và nếu trước cái chết, một sự chia ly đau đớn buộc chúng ta phải xa lìa những người thân yêu nhất, mà chẳng có lời nào an ủi được, thì Năm Thánh sẽ mang lại cho chúng ta cơ hội tái khám phá, với lòng biết ơn sâu sắc, món quà sự sống mới đã nhận được nơi bí tích Rửa tội, có khả năng biến đổi bi kịch này. Điều quan trọng là phải ngẫm lại xem, trong bối cảnh Năm Thánh, mầu nhiệm này đã được hiểu như thế nào từ thời kỳ đầu của Giáo hội. Chẳng hạn, trong một thời gian dài, các Kitô hữu đã xây dựng các giếng rửa tội theo hình bát giác, và cả đến ngày nay, chúng ta có thể chiêm ngưỡng nhiều giếng rửa tội cổ xưa vẫn giữ hình

dạng này, như tại Đền thờ Thánh Gioan Latêranô ở Rôma. Điều này cho thấy rằng, tại các giếng rửa tội, ngày thứ tám đã được khơi mào, ngày của sự phục sinh, ngày vượt ra khỏi nhịp điệu thông thường hằng tuần để mở ra chu kỳ thời gian cho chiều kích vĩnh cửu, cho sự sống tồn tại mãi mãi. Đó là mục tiêu mà chúng ta hướng tới trong cuộc hành hương trần thế của mình (x. Rm 6,22).

Các vị tử đạo cho chúng ta chứng từ thuyết phục nhất về niềm hy vọng này. Nhờ lòng tin kiên vững vào Chúa Kitô phục sinh, các ngài sẵn sàng từ bỏ cuộc sống trần thế chứ không phản bội Chúa của mình. Thời nào cũng có các vị tuyên xưng rằng sự sống không hề chấm dứt, và có nhiều vị sống trong thời đại chúng ta, có lẽ còn nhiều hơn bao giờ hết. Chúng ta cần lưu giữ chứng tá của các ngài để làm cho niềm hy vọng của chúng ta sinh hoa kết quả.

Những vị tử đạo thuộc các truyền thống Kitô giáo khác nhau này cũng là những hạt giống hiệp nhất vì họ diễn tả tinh thần đại kết bằng máu. Đó là lý do tại sao tôi tha thiết mong ước sẽ có một cuộc cử hành đại kết trong Năm Thánh, để làm nổi bật chứng tá phong phú của các vị tử đạo này.

21. Vậy điều gì sẽ xảy ra với chúng ta sau khi chết? Với Chúa Giêsu, bên kia ngưỡng cửa sự chết, có sự sống vĩnh cửu, đó là hiệp thông trọn vẹn với Thiên Chúa, chiêm ngưỡng và tham dự vào tình yêu vô biên của Người. Những gì ngày nay chúng ta hy vọng, ngày đó chúng ta sẽ thấy trong thực tại. Thánh Augustinô đã viết về chủ đề này như sau: “Khi con hoàn toàn nên một với Chúa, thì chẳng còn đau đớn nữa, chẳng còn vất vả nữa; đời con sẽ hoàn toàn sống động, hoàn toàn tràn ngập Chúa”.[16] Vậy đặc điểm của sự hiệp thông trọn vẹn này là gì? Là được hạnh phúc. Hạnh phúc là ơn gọi của con người, là mục tiêu thiết thân với mỗi người.

Nhưng thế nào là hạnh phúc? Chúng ta chờ đợi và mong muốn hạnh phúc nào? Không phải là niềm vui mau qua, là sự thỏa mãn nhất thời mà một khi đã đạt được thì lại luôn đòi hỏi nhiều hơn nữa trong vòng xoáy dục vọng; nơi đó tâm hồn con người chẳng bao giờ được thỏa mãn mà ngày càng thêm trống rỗng. Chúng ta cần một thứ hạnh phúc đạt được một lần và mãi mãi trong điều làm chúng ta tăng triển, nghĩa là trong tình yêu, để từ nay trở đi chúng ta có thể nói: Tôi được yêu, nên tôi hiện hữu; và tôi sẽ luôn hiện hữu trong Tình yêu không làm tôi thất vọng. Không có gì và cũng chẳng có ai có thể tách tôi ra khỏi Tình yêu ấy. Một lần nữa chúng ta hãy nhắc lại lời của thánh Tông đồ: “Tôi tin chắc rằng: cho dầu là sự chết hay sự sống, thiên thần hay ma vương quỷ lực, hiện tại hay tương lai, hoặc bất cứ sức mạnh nào, trời cao hay vực thẳm hay bất cứ một loài thọ tạo nào khác, không có gì tách được

chúng ta ra khỏi tình yêu của Thiên Chúa thể hiện nơi Đức Kitô Giêsu, Chúa chúng ta” (Rm 8,38-39).

22. Một thực tại khác liên quan đến sự sống đời đời là việc Thiên Chúa phán xét, khi chúng ta qua đời cũng như lúc thời gian kết thúc. Nghệ thuật thường cố gắng diễn tả sự kiện ấy – theo quan niệm thần học của thời đại và đem đến cho người xem một cảm giác sợ hãi – chẳng hạn như kiệt tác của Michelangelo ở Nhà nguyện Sistine. Nếu việc dọn mình cho thời điểm tổng kết cuộc đời một cách ý thức và nghiêm túc là đúng đắn, thì đồng thời cũng phải luôn làm như vậy với niềm hy vọng, một nhân đức đối thần nâng đỡ đời sống và không để chúng ta phải lo sợ. Sự phán xét của Thiên Chúa tình yêu (x. 1 Ga 4,8.16), chỉ có thể dựa trên tình yêu, đặc biệt dựa trên cách chúng ta đã hoặc không thực thi tình yêu đối với những người khốn khó nhất mà Chúa Kitô, chính là Đấng Thẩm phán, đang hiện diện nơi họ (x. Mt 25,31-46). Vì thế, đây là một sự phán xét khác với phán xét của con người và của các tòa án trần thế. Nó phải được hiểu như một mối tương quan giữa chân lý với Thiên Chúa – tình yêu và với chính mình trong mầu nhiệm khôn dò của lòng Chúa thương xót. Về vấn đề này Kinh Thánh khẳng định: “Làm như thế Chúa đã dạy dân rằng: người công chính phải có lòng nhân ái. Ngài đã cho con cái niềm hy vọng tràn trề là người có tội được Ngài ban ơn sám hối. [...] và chúng con phải trông cậy vào lòng thương xót của Ngài khi bị Ngài xét xử” (Kn 12,19.22). Như Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI đã viết: “Vào lúc chung thẩm chúng ta cảm nghiệm và đón nhận sự thống trị này của tình yêu Chúa trên tất cả sự dữ trong thế giới và trong chúng ta. Đau khổ của tình yêu trở nên ơn cứu rỗi và niềm vui của chúng ta.”[17]

Vì thế, sự phán xét liên quan đến ơn cứu độ mà chúng ta mong đợi và Chúa Giêsu đã giành được cho chúng ta qua cái chết và sự phục sinh của Người. Và nó sẽ mở ra cho chúng ta cơ hội gặp gỡ cuối cùng với Người. Và vì, trong bối cảnh này, chúng ta không được nghĩ rằng điều xấu đã phạm vẫn còn giấu kín, nên nó cần phải được thanh tẩy để giúp chúng ta dứt khoát đi vào tình yêu của Thiên Chúa. Theo nghĩa này, chúng ta hiểu rằng cần phải cầu nguyện cho những người đã hoàn tất cuộc hành trình trần thế, hiểu rằng lời chuyển cầu có tính liên đới, hữu hiệu nhờ sự hiệp thông của các thánh và mối liên kết chung nối kết chúng ta trong Chúa Kitô, Trưởng tử mọi tạo vật. Như vậy, nhờ lời cầu nguyện, ân xá Năm Thánh đặc biệt dành cho những người đi trước chúng ta để họ được hưởng lòng thương xót trọn vẹn.

23. Thật vậy, ân xá giúp chúng ta khám phá lòng thương xót của Thiên Chúa vô hạn đến mức nào. Không phải ngẫu nhiên mà vào thời xưa, thuật ngữ “lòng thương xót” và thuật

ngữ “ân xá” có thể dùng thay thế cho nhau, chính xác bởi vì thuật ngữ này có ý diễn tả sự tha thứ trọn vẹn của Thiên Chúa, một sự tha thứ không giới hạn.

Bí tích Hòa giải bảo đảm với chúng ta rằng Thiên Chúa tha thứ tội lỗi của chúng ta. Những lời Thánh vịnh đầy sức mạnh an ủi: “Chúa tha cho người muôn ngàn tội lỗi, thương chữa lành các bệnh tật người. Cứu người khỏi chôn vùi đáy huyết, bao bọc người bằng ân nghĩa với lượng hải hà [...] Chúa là Đấng từ bi nhân hậu, Người chậm giận và giàu tình thương [...] Người không cứ tội ta mà xét xử, không trả báo ta xứng với lỗi lầm. Như trời xanh trôi cao hơn mặt đất, tình Chúa thương kẻ thù Người cũng trôi cao. Như đông đoài cách xa nhau ngàn dặm, tội ta đã phạm, Chúa cũng ném thật xa ta.” (Tv 103,3-4.8.10-12). Bí tích Hòa giải không chỉ là một ân huệ thiêng liêng tuyệt diệu mà còn là một bước quyết định, thiết yếu và không thể thiếu trên hành trình đức tin của mỗi người. Chính ở đó chúng ta để cho Chúa tiêu diệt tội lỗi của chúng ta, chữa lành tâm hồn chúng ta, nâng chúng ta lên và ôm lấy chúng ta, cho chúng ta biết được khuôn mặt dịu dàng và nhân ái của Người. Thật vậy, không có cách nào tốt hơn để biết Thiên Chúa hơn là để cho mình được Người hòa giải (x. 2 Cr 5,20), hưởng ơn Người tha thứ. Do đó, chúng ta đừng từ khước đi xưng tội, nhưng hãy tái khám phá vẻ đẹp của bí tích chữa lành và niềm vui, vẻ đẹp của ơn tha thứ tội lỗi!

Tuy nhiên, kinh nghiệm cá nhân cho chúng ta biết, tội “để lại dấu vết”, tội gây ra những hậu quả: không chỉ là những hậu quả bên ngoài theo nghĩa là hậu quả của sự ác đã phạm, mà còn cả hậu quả bên trong, theo nghĩa là “mọi tội lỗi, dù là tội nhẹ, đều kéo theo nó một sự quyến luyến lệch lạc với các thụ tạo, nên cần được thanh tẩy, hoặc ngay ở đời này, hoặc sau khi chết, trong tình trạng được gọi là luyện ngục.”[18] Vì thế, trong nhân tính yếu đuối của chúng ta vốn bị điều xấu lôi kéo, “những hậu quả còn sót lại của tội lỗi” vẫn còn đó. Những điều này được loại bỏ nhờ ân xá, luôn bắt nguồn từ ơn của Chúa Kitô, Đấng là “sự ân xá của chúng ta”, như Thánh Phaolô VI đã viết.[19] Tòa Ân giải Tối cao sẽ ban hành những quy định cho phép lãnh nhận ân xá Năm Thánh và làm cho việc thực hành này mang lại hiệu quả.

Kinh nghiệm được tha thứ như vậy nhất thiết sẽ mở rộng tâm trí để sẵn sàng tha thứ. Tha thứ không thay đổi quá khứ, không sửa chữa được những gì đã xảy ra. Nhưng tha thứ cho phép chúng ta thay đổi tương lai và sống khác đi, không oán hận, không căm phẫn và không báo thù. Tương lai được tha thứ soi sáng sẽ cho phép chúng ta đọc quá khứ bằng đôi mắt khác, an nhiên hơn, ngay cả khi mắt vẫn còn đầm lệ.

Trong Năm Thánh ngoại thường vừa qua, tôi đã đặt các vị Thừa sai Lòng Thương Xót để tiếp tục hoàn thành một sứ vụ quan trọng. Mong rằng họ cũng thi hành thừa tác vụ của mình

trong Năm Thánh sắp tới, khôi phục niềm hy vọng và ban ơn tha thứ mỗi khi có tội nhân mở rộng cõi lòng và ăn năn sám hối đến gặp họ. Mong sao họ tiếp tục là công cụ hòa giải và giúp chúng ta nhìn về tương lai với niềm hy vọng tha thiết phát xuất từ lòng thương xót của Chúa Cha. Tôi mong rằng các giám mục sẽ tận dụng được sự phục vụ quý báu của họ, đặc biệt bằng cách gửi họ đến những nơi mà niềm hy vọng bị thử thách nghiêm trọng, chẳng hạn như nhà tù, bệnh viện và những nơi mà phẩm giá con người bị xâm phạm, trong các hoàn cảnh thiếu thốn và tuyệt vọng nhất, để ai cũng có cơ hội đón nhận ơn tha thứ và an ủi của Thiên Chúa.

24. Chứng tá hùng hồn nhất của niềm hy vọng là Mẹ Thiên Chúa. Nơi Mẹ, chúng ta thấy rằng niềm hy vọng không phải là sự lạc quan hảo huyền, mà là một món quà ân sủng trong hiện thực cuộc sống. Cũng như bất kỳ người mẹ nào, mỗi khi nhìn Con, Mẹ nghĩ đến tương lai của Con, và chắc chắn trong lòng Mẹ vẫn khắc ghi những lời ông Simêon đã nói với Mẹ ở Đền thờ: “Này đây, Hài nhi này sẽ là duyên cớ cho nhiều người Israel ngã xuống hay đứng lên. Cháu còn là dấu hiệu cho người đời chống báng, còn bà, một lưỡi gươm sẽ đâm thấu tâm hồn bà” (Lc 2,34-35). Và dưới chân thập giá, khi nhìn Chúa Giêsu vô tội phải đau đớn và phải chết, mặc dù đang khổ đau tột cùng, Mẹ vẫn lặp lại tiếng “xin vâng” mà không đánh mất niềm hy vọng cũng như niềm tin tưởng vào Chúa. Khi làm như thế, Mẹ đã vì chúng ta mà cộng tác nhằm thực hiện những gì Con của Mẹ đã nói khi loan báo rằng “Con Người phải chịu đau khổ nhiều, bị các kỳ mục, thượng tế cùng kinh sư loại bỏ, bị giết, và sau ba ngày, sống lại” (Mc 8,31). Và trong nỗi đau dâng hiến vì tình yêu, Mẹ đã trở thành Mẹ của chúng ta, Mẹ của niềm hy vọng. Không phải ngẫu nhiên mà lòng đạo đức bình dân vẫn cầu khẩn Đức Trinh Nữ là Stella Maris, một tước hiệu diễn tả niềm hy vọng chắc chắn rằng, trong những thăng trầm giông bão của cuộc đời, Mẹ Thiên Chúa đến trợ giúp chúng ta, nâng đỡ chúng ta và mời gọi chúng ta tin tưởng và tiếp tục hy vọng.

Về vấn đề này, tôi muốn nhắc lại rằng Đền thánh Đức Mẹ Guadalupe ở Mexico đang chuẩn bị để năm 2031 sẽ mừng kỷ niệm 500 năm ngày Đức Trinh Nữ hiện ra lần đầu tiên. Qua Juan Diego, Mẹ Thiên Chúa đã trao một sứ điệp hy vọng mang tính cách mạng mà ngày nay Mẹ vẫn lặp lại với tất cả những người hành hương và các tín hữu: “Không phải có Ta là Mẹ của con đang ở đây hay sao?”[20] Sứ điệp ấy cũng được khắc ghi nơi các tâm hồn tại nhiều Đền thánh Đức Mẹ trên khắp thế giới, nơi biết bao khách hành hương đến phó thác cho Mẹ Thiên Chúa những lo lắng, u sầu và hy vọng của họ. Trong Năm Thánh này, các Đền thánh phải là nơi thánh để tiếp đón và là nơi dành riêng để khơi dậy niềm hy vọng. Tôi mời gọi những người hành hương Rôma hãy đến cầu nguyện tại các Đền thánh Đức Mẹ trong thành phố, để tôn kính Đức Trinh Nữ Maria và xin Mẹ che chở. Tôi chắc chắn rằng tất cả mọi người, nhất là những người đau khổ và phiền muộn, sẽ cảm nghiệm được sự gần gũi của Mẹ

Maria, người mẹ trù mến nhất trong các người mẹ. Mẹ không bao giờ bỏ rơi con cái mình, Mẹ là “đầu chỉ của niềm hy vọng chắc chắn và niềm an ủi” cho Dân thánh của Thiên Chúa.[21]

25. Trên hành trình hướng tới Năm Thánh, chúng ta hãy trở lại với Kinh Thánh và lắng nghe những lời đã được nói với chúng ta: “Chúng ta là những kẻ ẩn náu bên Thiên Chúa, chúng ta được mạnh mẽ khuyến khích nắm giữ niềm hy vọng dành cho chúng ta. Chúng ta có niềm hy vọng đó cũng tựa như cái neo chắc chắn và bền vững của tâm hồn, chìm sâu vào bên trong bức màn cung thánh. Đó là nơi Đức Giêsu đã vào như người tiên phong mở đường cho chúng ta” (Dt 6,18-20). Đó là một lời mời gọi mạnh mẽ đừng bao giờ đánh mất niềm hy vọng đã được ban cho chúng ta, và giữ lấy nó bằng cách tìm ẩn náu nơi Thiên Chúa.

Hình ảnh chiếc mỏ neo gợi lên sự ổn định và an toàn mà chúng ta có được giữa dòng nước xao động của cuộc đời nếu chúng ta nương tựa vào Chúa Giêsu. Giông tố không bao giờ thắng được vì chúng ta neo chặt vào niềm hy vọng ân sủng có thể giúp chúng ta sống trong Chúa Kitô bằng cách chiến thắng tội lỗi, sợ hãi và cái chết. Niềm hy vọng này, lớn hơn nhiều so với việc thỏa mãn các nhu cầu hằng ngày và việc cải thiện những điều kiện sống, đưa chúng ta vượt qua thử thách và thúc đẩy chúng ta tiến bước, mắt luôn dõi nhìn mục tiêu cao cả mà chúng ta được kêu gọi hướng đến là Nước Trời.

Vì thế, Năm Thánh sắp tới sẽ là một Năm Thánh mang nét đặc trưng của niềm hy vọng không bao giờ mất đi, niềm hy vọng nơi Thiên Chúa. Ước mong Năm Thánh này cũng giúp chúng ta lấy lại niềm tin cần thiết vào Giáo hội và vào xã hội, vào các mối tương quan liên vị, vào các mối quan hệ quốc tế, vào việc thăng tiến phẩm giá của mọi người và tôn trọng thiên nhiên. Ước gì chúng ta đức tin của chúng ta trở thành men hy vọng đích thực cho thế giới, trở thành lời loan báo trời mới đất mới (x. 2 Pr 3,13), nơi chúng ta sẽ sống trong công lý và hòa hợp giữa các dân tộc, chờ ngày lời Chúa hứa nên thành tựu.

Từ hôm nay chúng ta hãy để cho niềm hy vọng này thu hút chúng ta, và qua chúng ta lan toả đến những ai khao khát niềm hy vọng ấy. Ước gì cuộc sống của chúng ta nói với họ: “Hãy trông cậy vào Chúa, hãy mạnh mẽ và can đảm; hãy trông cậy nơi Chúa” (Tv 27,14). Ước gì sức mạnh của niềm hy vọng lấp đầy hiện tại của chúng ta, đang khi chúng ta tin tưởng chờ đợi ngày trở lại của Chúa Giêsu Kitô, Đáng đáng được chúc tụng và tôn vinh, bây giờ và mãi mãi.

Ban hành tại Rôma, Đền thờ Thánh Gioan Latêranô,
ngày 9 tháng 5, Lễ trọng Chúa Giêsu Kitô Lên Trời, năm 2024,

năm thứ mười hai trong triều Giáo hoàng của tôi.

PHANXICÔ

-
- [1] Bài giảng 198 augm, 2.
- [2] X. Fonti Francescane, 263, 6.10.
- [3] Misericordiae Vultus, Sắc lệnh Năm Thánh Ngoại thường Lòng Thương Xót, 1-3.
- [4] Công đồng Vaticanô II, Hiến chế mục vụ Gaudium et spes, 4.
- [5] Thông điệp Laudato si', 50.
- [6] X. Sách Giáo lý Hội thánh Công giáo, 2267.
- [7] Thông điệp Laudato si', 49.
- [8] Thông điệp Fratelli tutti, 262.
- [9] Thông điệp Laudato si', 51.
- [10] Kinh Tin kính Nicêa: H. Denzinger – A. Schönmetzer, Enchiridion Symbolorum definitionum et declarationum de rebus fidei et morum, 125.
- [11] Ibid.
- [12] Kinh Tin kính các Tông đồ: H. Denzinger – A. Schönmetzer, Enchiridion Symbolorum definitionum et declarationum de rebus fidei et morum, 30.
- [13] Sách Giáo lý Hội thánh Công giáo, 1817.
- [14] Công đồng Vaticanô II, Hiến chế mục vụ Gaudium et spes, 21.
- [15] Sách Lễ Rôma, Kinh Tiền tụng I Thánh lễ cầu cho tín hữu qua đời.
- [16] Tự thuật, X, 28.
- [17] Thông điệp Spe salvi, 47.
- [18] Sách Giáo lý Hội thánh Công giáo, 1472.
- [19] Tông thư Apostolorum limina, 23/5/1974, II.
- [20] Nican Mopohua, 119.
- [21] Công đồng Vaticanô II, Hiến chế Lumen gentium, 68.